

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TM  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-3-2023  
*V/v Tranh chấp về nuôi con của  
nam, nữ chung sống với nhau  
như vợ chồng mà không đăng ký  
kết hôn*

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TM, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Ngọc.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Vững.  
2. Ông Đào Văn Hiến.  
**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TM,  
tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TM xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm  
2022 về việc: “*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như  
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên  
tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp HL, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp HL, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm anh Đặng Văn Đ là nguyên  
đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2013, không có  
đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau  
này phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ

chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly tH khoảng 01 năm nay. Nhận thấy hôn nH không còn hạnh phúc nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ H. Tại phiên tòa, anh Đ yêu cầu Tòa án không công nhận anh Đ và chị H là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Quỳnh Giao, sinh ngày 28/7/2018. Hiện nay con chung đang sinh sống với chị H. Anh Đ đồng ý để con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Đ nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ CCCD + HK của Đặng Văn Đ (photo).

+ Giấy khai sinh con chung Trương Quỳnh Giao (bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đ có đơn yêu cầu không công nhận anh Đ và chị H là vợ chồng, yêu cầu nuôi con với chị H. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*.

Chị Trương Thị Mỹ H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp HL, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nH dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trương Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nH: Anh Đ, chị H chung sống với nhau vào năm 2013 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy anh Đ, chị H có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa anh Đ và chị H phát sinh mâu

thuần nên anh Đ yêu cầu Tòa án không công nhận anh Đ và chị H là vợ chồng.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Trương Thị Mỹ H tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Xét thấy giữa anh Đ và chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh Đ yêu cầu không công nhận anh Đ và chị H là vợ chồng là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Đ và chị H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Quỳnh Giao, sinh ngày 28/7/2018. Hiện nay con chung đang sinh sống với chị H. Nay anh Đ đồng ý để con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh Đ hay cho chị H nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cho rằng con chung đang sinh sống với chị H nên đồng ý để con chung cho chị H được nuôi dưỡng. Chị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Xét thấy từ khi anh Đ, chị H xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cho con chung ăn học đầy đủ và anh Đ cũng đồng ý để con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do đó để con chung tên Trương Quỳnh Giao, sinh ngày 28/7/2018 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị H không có ý kiến về phân tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị H không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*\* Về án phí:*

Anh Đặng Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Văn Đ:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Đặng Văn Đ và chị Trương Thị Mỹ H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Quỳnh Giao, sinh ngày 28/7/2018. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị H không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị H không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008337 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TM. Như vậy tiền án phí anh Đ đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Ngọc**